TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 70/2025/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 19 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÓA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – VĨNH LONG

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Bà Trịnh Thị T, sinh ngày: 07/02/1954; CCCD: 083154010551 cấp ngày 24/04/2022; địa chỉ: 3 ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là 308/25 ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long).

2. Ông Hồ Văn H, sinh ngày: 04/08/1949; CCCD: 083049004480 cấp ngày 04/08/1949; địa chỉ: 3 ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là 308/25 ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long), cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/03/1997, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Thời gian gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Ông bà nhìn nhận không thể chung sống với nhau được nữa nên tự nguyện làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Thấy rằng tình cảm giữa ông bà không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc thuận tình ly hôn của bà T và ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 05 (năm) người con chung: Hồ Ngọc D, sinh năm 1976; Hồ Quốc D1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1977; Hồ Mỹ X, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1979; Hồ Ngọc D2, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1981; Hồ Quốc D3, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1986. Các con đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H thuận tình ly hôn nhau. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H chấm dứt kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

- *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

- *Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:* Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H có 05 người con chung là Hồ Ngọc D, sinh năm 1976; Hồ Quốc D1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1977; Hồ Mỹ X, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1979; Hồ Ngọc D2, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1981; Hồ Quốc D3, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1986. Các con đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về chia tài sản khi ly hôn*: Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[2] Về lệ phí Tòa án: Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Trịnh Thị T và ông Hồ Văn H không nộp tạm ứng lệ phí nên không hoàn trả tiền tạm ứng lệ phí.

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT,TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thành, Vĩnh Long (Đăng ký kết hôn số 172, quyển số 01 ngày 06/3/1997);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm